TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27/3/2023

V/v tranh chấp: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Nguyễn Quốc An.**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Huỳnh Thị Tỏ.**

2. Bà **Huỳnh Thị Mỹ Hà.**

- *Thư ký phiên tòa*: Ông **Lưu Duy Mạnh**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện GCĐ, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GCĐ, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà **Trần Thị Ngọc Tuyền**, Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện GCĐ, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 462/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp "Xin ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Bà **Đâng Thị Ngọc M**, sinh năm xxxx.(có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp TN2, xã PT, huyện GCĐ, tỉnh Tiền Giang.

* *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm xxxx.(vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp TN2, xã PT, huyện GCĐ, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/9/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đâng Thị Ngọc M trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn và sống chung từ năm 2010, đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã PT, huyện GCĐ. Vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là anh T chơi cờ bạc, gây nợ nần sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Vợ chồng không có hàn gắn trao đổi tình cảm, hiện tại không còn sống chung, không còn liên lạc với nhau. Nay không còn tình cảm với anh T nên chị M yêu cầu ly hôn với anh T.

- Về con chung: Có 02 người con tên Nguyễn Ngọc Anh T1, sinh ngày 25/11/2013 và Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 28/3/2011, sau khi ly hôn, chị M yêu cầu được 02 nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đâng Thị Ngọc M.

* Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GCĐ, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Trong quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự, xác minh thu thập chứng cứ, thụ lý vụ án và tuân thủ đúng thời hạn chuẩn bị xét xử được quy định tại các Điều 26 đến Điều 40; Điều 68; Điều 93 đến Điều 97; Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, thành phần Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng thực hiện theo đúng quy định tại các điều 70, 71, 72 và 234 Bộ luật tố tụng dân sự và không có kiến nghị gì.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đâng Thị Ngọc M, cho chị Đâng Thị Ngọc M được ly hôn với anh Nguyễn Văn T, giao 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Anh T1, sinh ngày 25/11/2013 và Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 28/3/2011 cho chị M nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị M không yêu cầu; tài sản chung và nợ chung: không xem xét giải quyết; chị M phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Đâng Thị Ngọc M có đơn xin vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đâng Thị Ngọc M và anh Nguyễn Văn T kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã PT, huyện GCĐ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 95/2010, quyển số 01/2010 ngày 01/11/2010 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Chị Đâng Thị Ngọc M cho rằng quá trình sống chung đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh T chơi cờ bạc, gây nợ nần sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Nay không còn tình cảm với anh Nguyễn Văn T nên chị M xin ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

[4] Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng nhưng không nộp bản tự khai, vắng mặt tại các phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại các phiên tòa.

[5] Xét, chị Đâng Thị Ngọc M và anh Nguyễn Văn T sống hạnh phúc đến năm 2021 thì xảy ra nguyên nhân mâu thuẫn anh T chơi cờ bạc, gây nợ nần sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay, vợ chồng không có tiếng nói chung; anh Nguyễn Văn T không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng; giữa chị Đâng Thị Ngọc M và anh Nguyễn Văn T

không còn sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên chị Đâng Thị Ngọc M yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn T là hoàn toàn phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[6] Về con chung: Có 02 người con tên Nguyễn Ngọc Anh T1, sinh ngày 25/11/2013 và Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 28/3/20113. Sau khi ly hôn, chị M yêu cầu được 02 nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

[7] Xét, anh Nguyễn Văn T cũng không có ý kiến gì về yêu cầu nuôi dưỡng con chung của chị Đâng Thị Ngọc M nên yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Ngọc Anh T1, sinh ngày 25/11/2013 và Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 28/3/20113 của chị Đâng Thị Ngọc M là có căn cứ, phù hợp Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị Đâng Thị Ngọc M.

[8] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đâng Thị Ngọc M trình bày tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Nguyễn Văn T không có ý kiến gì về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Nguyên đơn chị Đâng Thị Ngọc M phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các điều 51, 53, 56, Luật hôn nhân và gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đâng Thị Ngọc M được ly hôn với anh Nguyễn Văn T

- Về con chung: Giao 02 người con tên Nguyễn Ngọc Anh T1, sinh ngày 25/11/2013 và Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 28/3/20113 cho chị Đâng Thị Ngọc M nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Đâng Thị Ngọc M phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị M đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0028279 ngày 15/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện GCĐ, tỉnh Tiền Giang, nên xem như đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án sơ thẩm.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện GCĐ;
- Chi cục THADS huyện GCĐ;
- UBND xã PT, huyện GCĐ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc An